

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 04 tháng 10 năm 2013

NGHỊ ĐỊNH

QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật phòng, chống rửa tiền ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền,

Chương 1.

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền về các biện pháp phòng, chống rửa tiền, thu thập xử lý và chuyển giao thông tin về phòng, chống rửa tiền, trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong phòng, chống rửa tiền và hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 2 Luật phòng, chống rửa tiền.

2. Tổ chức, cá nhân khác liên quan đến phòng, chống rửa tiền, bao gồm tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc người không có quốc tịch không hoạt động hoặc không sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam nhưng có các giao dịch với tổ chức, cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương 2.

CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

MỤC 1. NHẬN BIẾT, BÁO CÁO VÀ LƯU GIỮ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Điều 3. Nhận biết khách hàng

1. Tổ chức tài chính phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong các trường hợp sau:

a) Khi khách hàng lần đầu mở tài khoản, bao gồm tài khoản thanh toán, tài khoản tiết kiệm, tài khoản thẻ và các loại tài khoản khác;

b) Khi khách hàng lần đầu thiết lập mối quan hệ với tổ chức tài chính nhằm sử dụng sản phẩm, dịch vụ do tổ chức tài chính cung cấp;

c) Khi khách hàng thực hiện giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn. Giao dịch không thường xuyên có giá trị lớn là giao dịch của khách hàng không có tài khoản hoặc có tài khoản thanh toán nhưng không giao dịch trong vòng 6 tháng trở lên với tổng giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày;

d) Khi thực hiện chuyển tiền điện tử nhưng thiếu thông tin về tên, địa chỉ hoặc số tài khoản của người khởi tạo;

đ) Khi nghi ngờ giao dịch hoặc các bên liên quan đến giao dịch có liên quan đến hoạt động rửa tiền;

e) Khi nghi ngờ về tính chính xác hoặc tính đầy đủ của các thông tin nhận biết khách hàng đã thu thập trước đó.

2. Tổ chức, cá nhân kinh doanh trò chơi có thưởng, casino phải tiến hành các biện pháp nhận biết khách hàng đối với khách hàng có giao dịch tài chính với tổng giá trị từ 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng trở lên trong một ngày.

3. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, môi giới bất động sản và sàn giao dịch bất động sản phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với bên mua, bên bán trong hoạt động môi giới mua, bán bất động sản; đối với chủ sở hữu tài sản trong việc cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản.

4. Tổ chức, cá nhân kinh doanh kim loại quý và đá quý phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng trong trường hợp khách hàng có giao dịch bằng tiền mặt mua, bán kim loại quý, đá quý có giá trị từ 300.000.000 (ba trăm triệu) đồng trở lên trong một ngày.

5. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ công chứng, kế toán; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng khi thay mặt khách hàng chuẩn bị các điều kiện để thực hiện giao dịch hoặc thay mặt khách hàng thực hiện giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà; dịch vụ quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác của khách hàng; dịch vụ quản lý tài khoản của khách hàng tại ngân hàng, công ty chứng khoán; dịch vụ điều hành, quản lý hoạt động công ty của khách hàng; tham gia vào hoạt động mua, bán các tổ chức kinh doanh.

6. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ ủy thác đầu tư là tổ chức, cá nhân nhận tiền hoặc tài sản từ một hoặc nhiều tổ chức, cá nhân ủy thác để thực hiện giao dịch liên quan đến tiền hoặc tài sản cho tổ chức, cá nhân ủy thác. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ ủy thác đầu tư phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với bên ủy thác.

7. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; cung cấp văn phòng đăng ký, địa chỉ hoặc địa điểm kinh doanh; cung cấp dịch vụ đại diện cho doanh nghiệp phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng sử dụng hoặc yêu cầu các dịch vụ đó.

8. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký giám đốc của doanh nghiệp cho bên thứ ba phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với bên thứ ba và người giám đốc hoặc thư ký giám đốc đó.

9. Tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ cung cấp người đại diện cho cổ đông phải áp dụng các biện pháp nhận biết khách hàng đối với cổ đông và người đại diện cho cổ đông đó.

Điều 4. Thông tin nhận biết và xác minh thông tin nhận biết khách hàng

1. Thông tin nhận biết khách hàng là tổ chức, cá nhân người Việt Nam hoặc người nước ngoài phải bao gồm các thông tin được quy định tại Khoản 1 Điều 9 Luật phòng, chống rửa tiền.

2. Đối với khách hàng cá nhân là người không quốc tịch, thông tin nhận dạng bao gồm: Họ và tên; ngày, tháng, năm sinh; nghề nghiệp, chức vụ; số thị thực; cơ quan cấp thị thực nhập cảnh; địa chỉ nơi đăng ký cư trú ở nước ngoài và ở Việt Nam.

3. Đối với khách hàng cá nhân là người có từ hai (02) quốc tịch trở lên, ngoài những thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này, đối tượng báo cáo phải thu thập bổ sung thông tin về các quốc tịch, các địa chỉ đăng ký cư trú tại các quốc gia mang quốc tịch.

4. Đối tượng báo cáo xác minh thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 11 Luật phòng, chống rửa tiền.

Điều 5. Chủ sở hữu hưởng lợi

1. Đối tượng báo cáo phải xác định chủ sở hữu hưởng lợi theo các tiêu chí sau:

a) Cá nhân sở hữu thực tế đối với một tài khoản hoặc một giao dịch: Chủ tài khoản, đồng chủ tài khoản hoặc bất kỳ người nào chi phối hoạt động, thụ hưởng của tài khoản, giao dịch đó;

b) Cá nhân có quyền chi phối pháp nhân: Cá nhân nắm giữ từ 10% trở lên vốn điều lệ của pháp nhân đó; cá nhân nắm giữ từ 20% trở lên vốn điều lệ của các tổ chức góp trên 10% vốn của pháp nhân đó; chủ doanh nghiệp tư nhân; cá nhân khác thực tế chi phối pháp nhân đó;

c) Cá nhân có quyền chi phối một ủy thác đầu tư, thỏa thuận ủy quyền: Cá nhân ủy thác, ủy quyền; cá nhân có quyền chi phối cá nhân, pháp nhân hoặc tổ chức ủy thác, ủy quyền.

2. Nhận dạng và xác minh thông tin nhận dạng chủ sở hữu hưởng lợi được thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định này. Đối với khách hàng là tổ chức nước ngoài hoặc tổ chức có một hoặc nhiều bên tham gia góp vốn là cá nhân, tổ chức nước ngoài, đối tượng báo cáo phải xác minh bổ sung thông tin nhận biết cá nhân hoặc tổ chức nước ngoài đó bằng cách sử dụng các tài liệu, dữ liệu do cơ quan nước ngoài có thẩm quyền cấp.

Điều 6. Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro

Đối tượng báo cáo phải xây dựng quy định về phân loại khách hàng trên cơ sở rủi ro rửa tiền dựa vào các yếu tố sau:

1. Loại khách hàng: Người cư trú hoặc không cư trú; tổ chức hoặc cá nhân; khách hàng thuộc hoặc không thuộc danh sách đen, danh sách cảnh báo; lĩnh vực, phương thức hoạt động, kinh doanh.

2. Loại sản phẩm, dịch vụ khách hàng sử dụng bao gồm cả dự kiến sử dụng: Dịch vụ tiền mặt hoặc chuyển khoản; dịch vụ thanh toán hoặc chuyển tiền, đổi tiền; dịch vụ môi giới, ủy thác, ủy quyền; dịch vụ bảo hiểm nhân thọ hoặc phi nhân thọ.

3. Vị trí địa lý nơi khách hàng cư trú hoặc có trụ sở chính: Các nước trong danh sách cấm vận nêu tại các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên Hợp quốc; các nước trong danh sách công khai không tuân thủ hoặc tuân thủ không đầy đủ các khuyến nghị về chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố do Lực lượng đặc nhiệm tài chính công bố định kỳ; quốc gia hoặc vùng, lãnh thổ được, nhận định có nhiều hoạt động ma túy, tham nhũng, rửa tiền.

4. Yếu tố khác do đối tượng báo cáo tự xác định và phân loại phù hợp với thực tế phát sinh.

Điều 7. Quan hệ ngân hàng đại lý

1. Khi thiết lập quan hệ ngân hàng đại lý, đối tượng báo cáo phải thu thập thông tin về ngân hàng đối tác theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 9 Luật phòng, chống rửa tiền và các thông tin sau: Mục đích và lý do thiết lập mối quan hệ; tên cơ quan quản lý của ngân hàng đối tác và đánh giá, xếp loại uy tín của cơ quan có thẩm quyền hoặc của tổ chức chuyên môn đối với ngân hàng đối tác.

2. Đánh giá việc thực hiện các biện pháp về phòng, chống rửa tiền của ngân hàng đối tác thông qua:

- a) Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền;
- b) Hệ thống quản lý rủi ro về rửa tiền;
- c) Hệ thống kiểm soát, kiểm toán nội bộ về phòng, chống rửa tiền.

Điều 8. Giao dịch liên quan tới công nghệ mới

1. Giao dịch liên quan tới công nghệ mới là giao dịch sử dụng công nghệ cho phép khách hàng thực hiện giao dịch mà không cần gặp mặt trực tiếp nhân viên của đối tượng báo cáo.

2. Đối tượng báo cáo khi cung cấp dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải thực hiện các yêu cầu sau:

a) Gặp mặt trực tiếp khách hàng khi lần đầu thiết lập mối quan hệ và yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 4 Nghị định này;

b) Xây dựng quy trình đánh giá rủi ro về rửa tiền khi cung cấp dịch vụ sử dụng công nghệ mới. Quy trình này tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau: Xác định và mô phỏng các rủi ro về rửa tiền có thể phát sinh đối với các giao dịch áp dụng công nghệ mới; đưa ra các biện pháp phù hợp để phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro phát sinh.

Điều 9. Giao dịch có giá trị lớn bất thường, giao dịch phức tạp

Giao dịch có giá trị lớn bất thường hoặc phức tạp theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 16 Luật phòng, chống rửa tiền là các giao dịch sau:

1. Giao dịch có giá trị lớn bất thường là giao dịch rõ ràng không tương xứng với thu nhập hoặc không phù hợp với mức giá trị giao dịch thường xuyên của khách hàng với đối tượng báo cáo;

2. Giao dịch phức tạp là giao dịch được thực hiện thông qua phương thức không phù hợp với bản chất của giao dịch như: Giao dịch được thực hiện thông qua nhiều bên trung gian, nhiều tài khoản không cần thiết; giao dịch được thực hiện giữa nhiều tài khoản khác nhau của cùng một chủ tài khoản tại các khu vực địa lý khác nhau; bất kỳ giao dịch nào do đối tượng báo cáo nhận định không bình thường và cần có sự giám sát chặt chẽ.

Điều 10. Hoạt động kinh doanh qua giới thiệu

1. Theo yêu cầu của đối tượng báo cáo, bên trung gian phải đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin nhận biết khách hàng theo quy định tại Điều 4 Nghị định này.

2. Trường hợp bên trung gian là tổ chức Việt Nam thì tổ chức này phải là đối tượng chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền Việt Nam và phải áp dụng các biện pháp nhận biết và cập nhật thông tin khách hàng theo quy định tại Điều 3 Nghị định này, Điều 10 Luật phòng, chống rửa tiền và yêu cầu về lưu trữ hồ sơ báo cáo, tài liệu theo quy định tại Điều 27 Luật phòng, chống rửa tiền.

3. Trường hợp bên trung gian là tổ chức nước ngoài thì tổ chức này phải là đối tượng chịu sự quản lý, giám sát của cơ quan có thẩm quyền, phải áp dụng các biện pháp nhận biết, cập nhật thông tin khách hàng và lưu giữ hồ sơ theo quy định của luật pháp nước nơi tổ chức nước ngoài đó có trụ sở chính hoặc có hoạt động kinh doanh chính. Trong trường hợp luật pháp nước này chưa đáp ứng hoặc chỉ đáp ứng một phần yêu cầu các khuyến nghị của Lực lượng đặc nhiệm tài

chính, đối tượng báo cáo cần cân nhắc đến yếu tố rủi ro quốc gia để quyết định có dựa vào bên trung gian hay không.

4. Trường hợp bên trung gian là một bộ phận trực thuộc tập đoàn tài chính mà tập đoàn này đã thực hiện đầy đủ các yêu cầu theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều này thì bên trung gian đó được coi là đã tuân thủ đầy đủ các yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Bảo đảm tính minh bạch của pháp nhân và thỏa thuận ủy quyền

1. Sở giao dịch chứng khoán theo quy định tại Khoản 1 Điều 18 Luật phòng, chống rửa tiền có trách nhiệm lưu giữ và cập nhật thông tin sau đây về doanh nghiệp niêm yết:

a) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp niêm yết: Tên giao dịch đầy đủ và viết tắt, địa chỉ đặt trụ sở chính, mã số thuế, số điện thoại, số fax, lĩnh vực hoạt động kinh doanh;

b) Vốn điều lệ;

c) Danh sách người sáng lập, cổ đông lớn;

d) Người đại diện theo pháp luật;

đ) Chủ sở hữu hưởng lợi;

e) Thông tin khác.

2. Cơ quan đăng ký kinh doanh theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật phòng, chống rửa tiền là Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố có trách nhiệm thu thập và lưu giữ các thông tin sau đây về các doanh nghiệp được thành lập và hoạt động trên địa bàn tỉnh, thành phố:

a) Thông tin cơ bản về doanh nghiệp: Tên giao dịch đầy đủ và viết tắt, địa chỉ đặt trụ sở chính, mã số thuế, số điện thoại, số fax, lĩnh vực hoạt động kinh doanh;

b) Vốn pháp định, vốn điều lệ, vốn đăng ký;

c) Danh sách người sáng lập, cổ đông lớn;

d) Người đại diện theo pháp luật;

đ) Chủ sở hữu hưởng lợi;

e) Thông tin khác.

3. Tổ chức, cá nhân theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Luật phòng, chống rửa tiền phải lưu giữ, cập nhật các thông tin sau đây về khách hàng:

a) Thông tin về người ủy quyền, người được ủy quyền: Phải bao gồm các thông tin quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 4 Nghị định này;

b) Nội dung ủy quyền;

c) Thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Điều 12. Bảo đảm tính minh bạch trong hoạt động của tổ chức phi lợi nhuận

1. Tổ chức phi lợi nhuận là pháp nhân hoặc tổ chức có hoạt động chính là huy động hoặc phân bổ vốn cho các mục đích từ thiện, tôn giáo, văn hóa, giáo dục, xã hội hoặc mục đích tương tự, không vì mục đích lợi nhuận, bao gồm: Tổ chức phi chính phủ nước ngoài, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam.

2. Tổ chức phi lợi nhuận phải duy trì, cập nhật:

a) Thông tin về tổ chức, cá nhân tài trợ, ít nhất bao gồm: Tên đầy đủ; địa chỉ; số tiền tài trợ;

b) Thông tin về tổ chức, cá nhân tiếp nhận tài trợ ít nhất bao gồm: Tên đầy đủ; địa chỉ; số tiền tài trợ; phương thức tài trợ và mục đích sử dụng tiền tài trợ.

3. Hồ sơ quy định tại Khoản 1 Điều 19 Luật phòng, chống rửa tiền gồm:

a) Thông tin được quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Chứng từ, tài liệu liên quan tới việc tài trợ và tiếp nhận tài trợ.

4. Hồ sơ nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tổ chức phi lợi nhuận lưu giữ ít nhất 05 (năm) năm kể từ thời điểm hoạt động tài trợ hoặc tiếp nhận tài trợ kết thúc.

5. Trường hợp tổ chức phi lợi nhuận giải thể hoặc kết thúc hoạt động, hồ sơ nêu tại Khoản 3 Điều này phải được bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập hoặc hoạt động đối với tổ chức phi lợi nhuận đó.

6. Tổ chức phi lợi nhuận có trách nhiệm cung cấp hồ sơ theo quy định tại Khoản 3 Điều này cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm: Cơ quan quản lý tổ chức phi lợi nhuận trong hoạt động thanh tra, giám sát; cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; cơ quan có thẩm quyền trong việc điều tra, truy tố, xét xử.

7. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý đối với tổ chức phi lợi nhuận được quy định tại Khoản 5, 6 Điều này bao gồm: Bộ Nội vụ (đối với tổ chức phi lợi nhuận trong nước); Bộ Ngoại giao (đối với tổ chức phi lợi nhuận nước ngoài).

Điều 13. Xây dựng quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền

Quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền theo quy định tại Điều 20 Luật phòng, chống rửa tiền phải bao gồm những nội dung sau:

1. Chính sách chấp nhận khách hàng: Theo mức độ rủi ro, cấp phê duyệt, yêu cầu về hồ sơ mở tài khoản hoặc thiết lập giao dịch.

2. Quy trình, thủ tục nhận biết khách hàng, xác minh và cập nhật thông tin khách hàng: Phân cấp trách nhiệm nhận biết, định kỳ cập nhật thông tin và đánh giá khách hàng theo mức độ rủi ro; phân cấp truy cập, khai thác thông tin chung trong hệ thống; quy định về việc nhận biết khách hàng có tài khoản hoặc giao dịch tại nhiều chi nhánh trong hệ thống.

3. Hướng dẫn quy trình báo cáo các giao dịch gồm: Giao dịch có giá trị lớn; giao dịch chuyển tiền điện tử; giao dịch đáng ngờ; giao dịch liên quan tới rửa tiền nhằm tài trợ cho khủng bố; giao dịch liên quan tới hoạt động phạm tội; giao dịch liên quan tới các danh sách cá nhân, tổ chức khủng bố và tài trợ khủng bố theo các Nghị quyết của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc; danh sách đen; danh sách cảnh báo.

4. Quy trình rà soát, phát hiện, xử lý giao dịch đáng ngờ: Rà soát và phân tích khách hàng và các giao dịch liên quan tới khách hàng khi có các dấu hiệu đáng ngờ theo quy định tại Khoản 2, Khoản 8 và báo cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 22 Luật phòng, chống rửa tiền; phân định trách nhiệm theo từng cấp; việc xử lý báo cáo giao dịch đáng ngờ phải trên cơ sở phân tích, xử lý thông tin trên toàn hệ thống; cách thức giao tiếp với khách hàng thực hiện giao dịch đáng ngờ đảm bảo không tiết lộ thông tin.

5. Lưu giữ và bảo mật thông tin: Cách thức lưu giữ, phương thức khai thác; cấp độ lưu giữ.

6. Áp dụng biện pháp tạm thời, nguyên tắc xử lý trong các trường hợp trì hoãn thực hiện giao dịch: cần quy định các trường hợp cụ thể áp dụng biện pháp tạm thời; quy định cụ thể trách nhiệm các cấp áp dụng, phê chuẩn thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng.

7. Chế độ báo cáo, cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền: Cách thức, quy trình báo cáo, cung cấp thông tin nhằm đảm bảo thời hạn và nội dung báo cáo theo yêu cầu.

8. Bồi dưỡng nghiệp vụ phòng, chống rửa tiền: Xây dựng chương trình, tần suất đào tạo, nội dung đào tạo phù hợp với đối tượng (cấp quản lý, cấp chính sách, cấp thực thi), quy mô, tổ chức (hội sở chính, chi nhánh, khu vực) và lĩnh vực hoạt động hoặc sản phẩm, dịch vụ cung cấp.

9. Kiểm soát và kiểm toán nội bộ việc tuân thủ các chính sách, quy định, quy trình và thủ tục liên quan đến hoạt động phòng, chống rửa tiền: Cơ cấu, tổ chức, cách thức tiến hành kiểm soát và kiểm toán; thủ tục báo cáo cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo thời hạn và nội dung báo cáo; quy định về xử lý, khắc phục sai phạm được phát hiện.

Điều 14. Báo cáo giao dịch đáng ngờ

1. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm báo cáo giao dịch đáng ngờ khi nghi ngờ hoặc có cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc do phạm tội mà có hoặc liên quan tới rửa tiền:

a) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch có nguồn gốc do phạm tội mà có bao gồm: Giao dịch được yêu cầu thực hiện bởi bị can, bị cáo hoặc người bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự và tài sản trong giao dịch là tài sản hoặc có nguồn gốc từ tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của cá nhân đó hoặc của cá nhân, tổ chức liên quan tới cá nhân đó, trong hoặc sau thời gian thực hiện hành vi phạm tội;

b) Cơ sở hợp lý để nghi ngờ tài sản trong giao dịch liên quan đến rửa tiền được rút ra từ việc xem xét và phân tích các dấu hiệu đáng ngờ theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 22 Luật phòng, chống rửa tiền.

2. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm phát hiện và báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam các dấu hiệu đáng ngờ khác ngoài các dấu hiệu nêu tại các Khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7 Điều 22 Luật phòng, chống rửa tiền. Đối tượng báo cáo có trách nhiệm cập nhật, rà soát và phát hiện theo các dấu hiệu đáng ngờ được Thủ tướng Chính phủ quy định bổ sung theo Khoản 8 Điều 22 Luật phòng, chống rửa tiền.

3. Việc báo cáo giao dịch đáng ngờ không phụ thuộc vào lượng tiền giao dịch của khách hàng, giao dịch đó đã hoàn thành hay chưa hay mới có ý định thực hiện.

4. Luật sư, công chứng viên, kế toán viên và chuyên gia pháp lý độc lập chỉ phải báo cáo giao dịch đáng ngờ khi:

a) Thay mặt khách hàng thực hiện các giao dịch chuyển giao quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà, quyền sở hữu doanh nghiệp;

b) Quản lý tiền, chứng khoán hoặc các tài sản khác cho khách hàng;

c) Giao dịch hoặc quản lý tài khoản cho khách hàng tại các tổ chức tài chính;

d) Điều hành, quản lý hoạt động công ty cho khách hàng.

Điều 15. Khai báo, cung cấp thông tin về việc vận chuyển tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng qua biên giới

1. Cá nhân khi nhập cảnh, xuất cảnh mang theo ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý và công cụ chuyển nhượng (hối phiếu đòi nợ, hối phiếu nhận nợ, séc và các công cụ chuyển nhượng khác) trên mức quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phải khai báo hải quan.

2. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm ban hành mẫu và hướng dẫn cá nhân khai báo theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Tổng cục Hải quan có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

a) Định kỳ hàng tháng thông tin được khai báo theo Khoản 1 Điều này theo các tiêu chí: Tên đầy đủ của cá nhân xuất, nhập cảnh; số hộ chiếu hoặc giấy tờ xuất, nhập cảnh hợp lệ; quốc tịch; thời gian xuất, nhập cảnh; tên cửa khẩu xuất, nhập cảnh; nơi đến (đối với người xuất cảnh) hoặc nơi đi (đối với người nhập cảnh); địa chỉ tại Việt Nam; giá trị của ngoại tệ tiền mặt, đồng Việt Nam bằng tiền mặt, kim loại quý, đá quý hoặc công cụ chuyển nhượng khai báo;

b) Thông tin khác theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thời hạn báo cáo

1. Thời hạn báo cáo được tính như sau:

a) Báo cáo hàng ngày đối với hình thức báo cáo gửi tệp dữ liệu điện tử được tính theo ngày phát sinh giao dịch;

b) Thời hạn báo cáo theo hình thức báo cáo bằng văn bản hoặc các hình thức khác, bao gồm cả báo cáo giao dịch đáng ngờ, được tính từ ngày phát sinh giao dịch đến ngày in trên bì báo cáo do tổ chức phát chuyển thư tín đóng dấu hoặc ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được báo cáo trực tiếp từ đối tượng báo cáo.

2. Đối tượng báo cáo có thể lựa chọn hình thức báo cáo giao dịch có giá trị lớn và giao dịch chuyển tiền điện tử theo 1 trong 2 hình thức được quy định tại Điểm a hoặc Điểm b, Khoản 1, Điều 26 Luật phòng, chống rửa tiền.

3. Đối tượng báo cáo lựa chọn hình thức báo cáo ngoài tệp dữ liệu điện tử có trách nhiệm đăng ký hình thức này với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Việc thay đổi hình thức báo cáo giao dịch giá trị lớn và giao dịch chuyển tiền điện tử phải được thông báo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Thời điểm thông báo được tính theo ngày trên bì báo cáo do tổ chức phát chuyển thư tín đóng dấu thông báo hoặc tính theo ngày Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhận được thông báo trực tiếp. Thời hạn gửi báo cáo theo quy định được tính bắt đầu từ ngày tiếp ngay sau ngày thông báo.

4. Thời hạn gửi báo cáo giao dịch đáng ngờ theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật phòng, chống rửa tiền được tính từ thời điểm phát sinh giao dịch. Trường hợp đối tượng báo cáo phát hiện dấu hiệu đáng ngờ của giao dịch nhưng giao dịch đã được thực hiện trước thời hạn phải báo cáo theo quy định thì vẫn phải gửi báo cáo giao dịch đáng ngờ ngay trong ngày phát hiện dấu hiệu đáng ngờ đó. Ngày phát hiện dấu hiệu đáng ngờ được tính là ngày đối tượng báo cáo chủ động phát hiện hoặc buộc phải phát hiện được dấu hiệu đáng ngờ xét theo hoàn cảnh thực tế khách quan diễn ra giao dịch đáng ngờ.

5. Báo cáo giao dịch có dấu hiệu liên quan đến tội phạm phải đồng thời gửi cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là Cơ quan Công an hoặc Viện kiểm sát nhân dân cấp quận, huyện trở lên nơi giao dịch có dấu hiệu liên quan đến tội phạm được phát hiện.

6. Tội phạm được đề cập trong Điều này là tội phạm bị kết án theo phán quyết của Tòa án nhân dân các cấp. Bộ Công an có trách nhiệm phối hợp Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân tối cao tổng hợp, cung cấp và cập nhật định kỳ 6 tháng (trong vòng 10 ngày cuối tháng 6 và tháng 12 hàng năm) danh sách tội phạm đang thi hành án vào thời điểm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để cảnh báo tới các đối tượng báo cáo theo Luật phòng, chống rửa tiền. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận danh sách tội phạm, thiết kế phương án thông báo và cập nhật danh sách này; đồng thời hướng dẫn chi tiết truy cập danh sách cho các đối tượng báo cáo.

7. Thời hạn gửi báo cáo giao dịch có dấu hiệu liên quan đến tội phạm được tính theo ngày làm việc khi đối tượng báo cáo phát hiện hoặc buộc phải phát hiện được dấu hiệu liên quan đến tội phạm xét theo hoàn cảnh thực tế khách quan diễn ra giao dịch đó.

Điều 17. Trách nhiệm báo cáo, cung cấp thông tin

1. Đối tượng báo cáo phải cung cấp hồ sơ, tài liệu lưu trữ và các thông tin liên quan theo đúng thời hạn yêu cầu. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác phải xác định thời hạn khi yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu lưu trữ và các thông tin liên quan theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền. Thời hạn yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu và các thông tin liên quan cần phải được xác định phù hợp với mức độ cấp thiết của vấn đề, hoàn cảnh thực tế khách quan và khả năng cung cấp của đối tượng được yêu cầu cung cấp.

2. Cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quyền yêu cầu tất cả các đối tượng báo cáo và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan cung cấp hồ sơ, tài liệu lưu trữ và các thông tin liên quan đến các giao dịch được báo cáo theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền.

3. Hồ sơ, tài liệu lưu trữ và thông tin liên quan chỉ được cung cấp trực tiếp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền sau:

a) Cơ quan công an hoặc Viện kiểm sát nhân dân cấp quận, huyện trở lên nếu giao dịch liên quan tới tội phạm được báo cáo theo Khoản 2 Điều 26 Luật phòng, chống rửa tiền;

b) Cơ quan điều tra hoặc Viện kiểm sát nhân dân các cấp nếu giao dịch liên quan tới vụ việc và khách hàng đã có quyết định khởi tố vụ án và quyết định khởi tố bị can. Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng các cơ quan này là người ký yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu và thông tin liên quan;

c) Cơ quan an ninh điều tra nếu giao dịch liên quan tới các đối tượng bị nghi ngờ phạm các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Thủ trưởng hoặc Phó thủ trưởng cơ quan này là người ký yêu cầu cung cấp hồ sơ, tài liệu và thông tin liên quan;

d) Cơ quan thuế, cơ quan có chức năng điều tra ban đầu nếu giao dịch liên quan tới cá nhân, tổ chức bị nghi ngờ vi phạm pháp luật về thuế, pháp luật về hải quan hoặc pháp luật khác liên quan. Yêu cầu cung cấp thông tin phải được Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng cơ quan Thuế, cơ quan có chức năng điều tra ban đầu ký;

đ) Cơ quan thanh tra nhà nước, Cơ quan được giao thực hiện chức năng thanh tra chuyên ngành khi thực hiện nhiệm vụ theo các quyết định thanh tra, kiểm tra do cấp có thẩm quyền ban hành.

4. Việc cung cấp hồ sơ, tài liệu lưu giữ và thông tin liên quan được thực hiện một lần theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền. Trong trường hợp cần thiết, việc cung cấp này được thực hiện nhiều lần nhưng phải được nêu rõ trong yêu cầu cung cấp thông tin. Khi đã yêu cầu cung cấp nhiều lần, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo việc ngừng cung cấp hồ sơ, tài liệu và thông tin đối với tổ chức, cá nhân không còn nằm trong diện cần cung cấp thông tin, hồ sơ, tài liệu nữa.

Điều 18. Báo cáo hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố

1. Hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có để tài trợ cho tổ chức, cá nhân khủng bố hoặc tài trợ cho hành vi khủng bố.

2. Căn cứ cho rằng tổ chức, cá nhân thực hiện hành vi có liên quan đến tội phạm rửa tiền nhằm tài trợ cho khủng bố gồm:

a) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân theo danh sách trong các nghị quyết liên quan của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

b) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân theo danh sách những tổ chức, cá nhân khủng bố và tài trợ cho khủng bố do tổ chức quốc tế khác hoặc quốc gia khác trên thế giới lập ra và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cảnh báo;

c) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân đã từng bị kết án về các tội khủng bố, tội tài trợ cho khủng bố tại Việt Nam;

d) Thực hiện hoặc có ý định thực hiện giao dịch liên quan tới tổ chức, cá nhân khủng bố hoặc tài trợ khủng bố mà đối tượng báo cáo biết được từ các nguồn thông tin khác.

3. Báo cáo kịp thời theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Luật phòng, chống rửa tiền là báo cáo ngay sau khi phát hiện tổ chức, cá nhân thực hiện giao dịch nằm trong danh sách đen hoặc ngay sau khi có căn cứ nêu tại Khoản 2 Điều này.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn đối tượng báo cáo thực hiện Khoản 1 Điều 30 Luật phòng, chống rửa tiền theo pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật về phòng, chống khủng bố.

5. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp phòng ngừa nêu tại Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 8, Điều 10, Điều 13, Điều 14 Nghị định này để đảm bảo báo cáo kịp thời theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

MỤC 2. THU THẬP, XỬ LÝ VÀ CHUYỂN GIAO THÔNG TIN VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 19. Thu thập, xử lý thông tin

1. Cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận, thu thập thông tin, tài liệu, hồ sơ liên quan đến các giao dịch được báo cáo theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền.

2. Cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân có liên quan (đối tượng báo cáo, cơ quan, tổ chức, cá nhân lưu giữ hồ sơ, tài liệu liên quan đến giao dịch và các bên liên quan đến giao dịch) cung cấp thông tin, tài liệu, hồ sơ và các thông tin khác cần thiết cho việc phân tích, chuyển giao thông tin về rửa tiền.

Điều 20. Chuyển giao thông tin

1. Cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc cho cơ quan điều tra có thẩm quyền khi có cơ sở hợp lý để nghi ngờ giao dịch được nêu trong các thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền hoặc rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố.

2. Cơ sở để nghi ngờ giao dịch nêu trong thông tin, báo cáo liên quan đến rửa tiền được coi là hợp lý khi:

- a) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân nằm trong danh sách đen;
- b) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân đang là đối tượng bị điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan chức năng của Việt Nam và của quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới;
- c) Giao dịch liên quan đến tổ chức, cá nhân nằm trong danh sách cảnh báo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và của quốc gia, vùng lãnh thổ trên thế giới;
- d) Giao dịch liên quan đến người bị kết án theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự;
- đ) Giao dịch được thực hiện trong thời gian rất ngắn liên quan đến nhiều tổ chức, cá nhân ở nhiều quốc gia, vùng lãnh thổ khác nhau nhưng không có cơ sở kinh tế hoặc không đủ chứng từ giao dịch;
- e) Giao dịch khác mà cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dựa trên kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm quốc tế nhận thấy có thể liên quan đến các hoạt động phạm tội.

3. Cơ sở xác định hành vi có liên quan đến rửa tiền nhằm tài trợ cho khủng bố:

- a) Quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định này;

b) Giao dịch khác mà cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam dựa trên kinh nghiệm thực tế và kinh nghiệm quốc tế, nhận thấy có thể liên quan đến các hoạt động rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố.

4. Cơ quan điều tra có thẩm quyền nêu tại Khoản 1 Điều này bao gồm:

- a) Cơ quan điều tra thuộc Bộ Công an;
- b) Cơ quan điều tra thuộc Bộ Quốc phòng;
- c) Cơ quan điều tra thuộc Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- d) Cơ quan có thẩm quyền điều tra ban đầu.

5. Cơ quan điều tra có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 4 Điều này khi tiếp nhận thông tin hoặc hồ sơ vụ việc theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm phân loại, giải quyết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự về tiếp nhận, giải quyết tin báo, tố giác về tội phạm và lưu giữ các thông tin, báo cáo, tài liệu nhận được theo chế độ mật và phản hồi ngay khi có kết quả xử lý cho cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 21. Trao đổi thông tin

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm phối hợp, trao đổi thông tin theo quy định tại Điều 32 Luật phòng, chống rửa tiền với cơ quan có thẩm quyền trong các trường hợp sau:

- a) Theo yêu cầu của cơ quan điều tra có thẩm quyền;
- b) Theo yêu cầu của Viện kiểm sát nhân dân các cấp; Viện kiểm sát quân sự các cấp;
- c) Theo yêu cầu của Tòa án nhân dân các cấp; Tòa án quân sự các cấp.

2. Cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều này có trách nhiệm lưu giữ các thông tin, báo cáo, tài liệu nhận được theo chế độ mật và thông báo kết quả xử lý có liên quan cho cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ động và có trách nhiệm trao đổi với các bộ, ngành, đơn vị liên quan thông tin sau:

- a) Thông tin về giao dịch, tổ chức, cá nhân nghi ngờ có hành vi vi phạm pháp luật nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền;
- b) Thông tin về những bất cập trong cơ chế, chính sách, hoạt động quản lý nhà nước nhằm mục đích phòng, chống rửa tiền.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều này và bộ, ngành liên quan có thể ký kết quy chế phối hợp, trao đổi thông tin để tạo điều kiện cho việc phối hợp, trao đổi thông tin được nhanh chóng, hiệu quả.

MỤC 3. ÁP DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TẠM THỜI

Điều 22. Trì hoãn giao dịch

1. Trì hoãn giao dịch theo quy định tại Điều 33 Luật phòng, chống rửa tiền là việc không thực hiện giao dịch nhiều nhất là 3 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu áp dụng biện pháp này và là hình thức phong tỏa tạm thời trước khi có quyết định chính thức của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Nếu sau 3 ngày làm việc kể từ ngày bắt đầu áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch mà đối tượng báo cáo không nhận được văn bản phản hồi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì có quyền thực hiện giao dịch.

2. Đối tượng báo cáo phải áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch ngay khi phát hiện các bên liên quan đến giao dịch nằm trong danh sách đen.

3. Lý do để tin rằng giao dịch được yêu cầu thực hiện có liên quan đến hoạt động phạm tội, gồm:

a) Giao dịch do người bị kết án theo quy định của pháp luật tổ tụng hình sự yêu cầu thực hiện và tài sản trong giao dịch đó có nguồn gốc từ tài sản thuộc quyền sở hữu hoặc kiểm soát của cá nhân đó hoặc tài sản của tổ chức mà cá nhân đó có quyền sở hữu hoặc kiểm soát trong hoặc sau thời gian thực hiện hành vi phạm tội;

b) Giao dịch theo quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định này.

4. Khi áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, đối tượng báo cáo phải báo cáo ngay bằng văn bản và thông báo ngay bằng điện thoại cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, đồng thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phối hợp.

5. Trong trường hợp cần thiết, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyền yêu cầu đối tượng báo cáo thực hiện biện pháp trì hoãn giao dịch.

6. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại Khoản 1, Khoản 4, Khoản 5 Điều này bao gồm:

a) Cơ quan điều tra các cấp;

b) Viện kiểm sát nhân dân các cấp, Viện kiểm sát quân sự các cấp;

c) Tòa án nhân dân các cấp, Tòa án quân sự các cấp.

Cơ quan nhà nước có thẩm quyền nêu trên có trách nhiệm kịp thời xử lý báo cáo về việc áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền và pháp luật về phòng, chống khủng bố.

7. Đối tượng báo cáo không phải chịu trách nhiệm pháp lý về những hậu quả phát sinh khi áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo đúng quy định tại Điều này.

Điều 23. Phong tỏa tài khoản

1. Đối tượng báo cáo thực hiện phong tỏa tài khoản khi có quyết định phong tỏa tài khoản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Chánh án tòa án nhân dân, Chánh án tòa án quân sự, Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân, Viện trưởng viện kiểm sát quân sự, Thủ trưởng cơ quan điều tra có thẩm quyền ra quyết định yêu cầu đối tượng báo cáo áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản và chịu trách nhiệm về quyết định này.

3. Quyết định phong tỏa tài khoản phải được thể hiện bằng văn bản, bao gồm các nội dung tối thiểu sau: Số tài khoản hoặc tên tổ chức, cá nhân liên quan; tên đối tượng báo cáo phải thực hiện biện pháp phong tỏa tài khoản; thời điểm, thời hạn áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản; lý do yêu cầu thực hiện biện pháp phong tỏa tài khoản.

4. Đối tượng báo cáo phải báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngay khi thực hiện biện pháp phong tỏa tài khoản theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

5. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam phối hợp với các cơ quan liên quan xử lý tài khoản bị phong tỏa theo quy định tại Khoản 1 Điều này.

Chương 3.

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN NHÀ NƯỚC TRONG PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 24. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền thông qua các biện pháp sau:

a) Phối hợp với Bộ Tư pháp trình Chính phủ chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật về công tác phòng, chống rửa tiền;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan định kỳ đánh giá rủi ro rửa tiền tại Việt Nam; xây dựng, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành chiến lược, kế hoạch quốc gia về phòng, chống rửa tiền;

c) Phối hợp với Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính và các bộ, ngành liên quan khác rà soát, tổng hợp, báo cáo và đề xuất phương án, biện pháp đảm bảo cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, tài chính, kỹ thuật cho các đơn vị có trách nhiệm phòng, chống rửa tiền;

d) Giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao trong công tác phòng, chống rửa tiền và phòng, chống tài trợ khủng bố.

2. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

3. Thông báo kịp thời cho cơ quan phòng, chống khủng bố có thẩm quyền thông tin về hành vi rửa tiền nhằm tài trợ khủng bố theo quy định tại Khoản 3 Điều 20 Nghị định này và pháp luật về phòng, chống khủng bố.

4. Hợp tác, trao đổi, cung cấp thông tin với các cơ quan có thẩm quyền trong nước theo quy định tại Điều 20, Điều 21 Nghị định này.

5. Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý nhà nước của mình; xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

6. Hợp tác quốc tế trong phòng, chống rửa tiền:

a) Đề xuất cấp có thẩm quyền; chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, bộ ngành liên quan đàm phán, ký kết và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về phòng, chống rửa tiền;

b) Đầu mối đàm phán, ký kết các thỏa thuận quốc tế trao đổi thông tin về phòng, chống rửa tiền; trao đổi thông tin với cơ quan phòng, chống rửa tiền nước ngoài và các cơ quan, tổ chức nước ngoài khác theo quy định tại Điều 27 Nghị định này;

c) Đầu mối tham gia, triển khai thực hiện nghĩa vụ của Việt Nam với tư cách thành viên các tổ chức quốc tế về phòng, chống rửa tiền;

d) Đầu mối trong nghiên cứu, đào tạo, hỗ trợ thông tin, kỹ thuật và trao đổi kinh nghiệm về lĩnh vực phòng, chống rửa tiền.

7. Thực hiện trách nhiệm khác được quy định tại Điều 37 Luật phòng, chống rửa tiền.

Điều 25. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Tiếp nhận, thu thập và xử lý thông tin do cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chuyển giao, thông tin do đối tượng báo cáo cung cấp theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền và Nghị định này; thông báo kết quả xử lý có liên quan cho cơ quan phòng, chống rửa tiền.

2. Hàng năm, tổng kết các vụ án liên quan đến rửa tiền và trao đổi kết quả với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xây dựng tài liệu để phổ biến, cảnh báo về phương thức, thủ đoạn, hoạt động mới của tội phạm rửa tiền trong và ngoài nước.

3. Định kỳ hàng năm gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo tổng kết thực hiện trách nhiệm của Bộ Công an trong công tác phòng, chống rửa tiền trên lãnh thổ Việt Nam để tổng hợp, trình Chính phủ.

4. Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành có liên quan kiến nghị xây dựng, ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền văn bản quy phạm pháp luật trong hoạt động đấu tranh phòng, chống tội phạm về rửa tiền.

5. Thực hiện trách nhiệm khác được quy định tại Điều 38 Luật phòng, chống rửa tiền.

Điều 26. Trách nhiệm của Bộ, ngành khác

1. Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền:

a) Nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện khung pháp lý về công tác phòng, chống rửa tiền trong lĩnh vực quản lý của mình;

b) Định kỳ đánh giá và đề xuất biện pháp xử lý rủi ro rửa tiền trong lĩnh vực quản lý của mình;

c) Chỉ định và đảm bảo cơ cấu tổ chức, nguồn nhân lực, tài chính, kỹ thuật cho đơn vị đầu mối và đơn vị có trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền thuộc bộ, ngành mình.

2. Hướng dẫn, chỉ đạo đơn vị trong hệ thống và đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý của mình triển khai các biện pháp phòng, chống rửa tiền.

3. Thanh tra, kiểm tra hoạt động phòng, chống rửa tiền đối với các đối tượng báo cáo thuộc quyền quản lý của mình:

a) Định kỳ thanh tra, kiểm tra hoặc thanh tra, kiểm tra theo yêu cầu của cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; thông báo kết quả thanh tra, kiểm tra với cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Thông báo cho cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giao dịch đáng ngờ nhận được hoặc phát hiện được trong quá trình thanh tra, kiểm tra;

c) Xử lý hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý đối với hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống rửa tiền.

4. Phối hợp, trao đổi thông tin với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và các bộ, ngành, đơn vị liên quan:

a) Tổng hợp gửi và thông báo ngay khi có sự thay đổi danh sách đối tượng báo cáo thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ, ngành mình cho cơ quan phòng, chống rửa tiền thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

b) Phối hợp, trao đổi và xử lý các thông tin theo quy định tại Điều 21 Nghị định này;

c) Phối hợp, trao đổi, cung cấp, xử lý thông tin trong quá trình thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử liên quan đến hoạt động rửa tiền.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo tổng kết thực hiện công tác phòng, chống rửa tiền gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để tổng hợp, trình Chính phủ.

6. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của Luật phòng, chống rửa tiền.

7. Các Bộ, ngành khác quy định tại Điều này là các Bộ, ngành quản lý các đối tượng báo cáo được nêu tại Khoản 3, 4 Điều 4 của Luật phòng, chống rửa tiền, bao gồm:

a) Bộ Tài chính quản lý các đối tượng báo cáo thực hiện một hoặc một số hoạt động sau: Tư vấn, bảo lãnh phát hành chứng khoán, đại lý phân phối chứng khoán; quản lý danh mục vốn đầu tư; quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán cho tổ chức, cá nhân khác; cung ứng dịch vụ bảo hiểm, đầu tư có liên quan đến bảo hiểm nhân thọ; cung ứng dịch vụ kế toán; kinh doanh trò chơi có thưởng, casino;

b) Bộ Xây dựng quản lý các đối tượng báo cáo thực hiện một hoặc một số hoạt động sau: Kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản, dịch vụ môi giới bất động sản; kinh doanh sàn giao dịch bất động sản;

c) Bộ Tài nguyên và Môi trường quản lý các đối tượng báo cáo thực hiện một hoặc một số hoạt động sau: Kinh doanh dịch vụ quản lý đất đai, môi giới mua bán, chuyển giao quyền sử dụng đất;

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư quản lý các đối tượng báo cáo thực hiện một hoặc một số hoạt động sau: Dịch vụ ủy thác đầu tư; dịch vụ thành lập, quản lý, điều hành doanh nghiệp; dịch vụ cung cấp giám đốc, thư ký của doanh nghiệp cho bên thứ ba;

đ) Bộ Tư pháp quản lý các đối tượng báo cáo thực hiện một hoặc một số hoạt động sau: Cung ứng dịch vụ công chứng; dịch vụ pháp lý của luật sư, tổ chức hành nghề luật sư;

e) Bộ Công Thương quản lý các đối tượng báo cáo thực hiện hoạt động kinh doanh kim loại quý và đá quý.

Chương 5.

HỢP TÁC QUỐC TẾ VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN

Điều 27. Hợp tác quốc tế trong trao đổi thông tin, tài liệu về phòng, chống rửa tiền

1. Loại thông tin, tài liệu được trao đổi, cung cấp cho đối tác nước ngoài:

a) Văn bản quy phạm pháp luật, thông tin chung về cơ chế, chính sách trong công tác phòng, chống rửa tiền; thông tin chung về công tác phòng, chống rửa tiền trong từng lĩnh vực; thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế trong công tác phòng, chống rửa tiền;

b) Thông tin trong các báo cáo chính thức về việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng bảo an Liên hiệp quốc;

c) Thông tin, báo cáo trong khuôn khổ thực hiện các điều ước, cam kết quốc tế và bản ghi nhớ mà Việt Nam đã tham gia ký kết;

d) Thông tin tổng hợp và chi tiết hỗ trợ cho quá trình xử lý các giao dịch đáng ngờ;

đ) Thông tin tổng hợp và chi tiết hỗ trợ cho quá trình điều tra, truy tố, xét xử tội phạm;

e) Thông tin khác do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm đầu mối tổng hợp trình Chính phủ quyết định.

2. Hình thức trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu:

a) Thông tin, tài liệu và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu nêu tại Điểm a, b, c Khoản 1 Điều này được thực hiện bằng văn bản hoặc bằng thư điện tử (email), fax hoặc phương tiện điện tử khác;

b) Thông tin, tài liệu và yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu theo quy định tại Điểm d, đ và e Khoản 1 Điều này phải thực hiện bằng văn bản.

3. Nội dung yêu cầu

a) Văn bản yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu ít nhất bao gồm các thông tin sau: Tên tổ chức, quốc gia được yêu cầu, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ email; tên tổ chức, quốc gia yêu cầu, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ email; thông tin cụ thể cần trao đổi, cung cấp; cơ sở, lý do yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin; chủ thể, mục đích sử dụng thông tin, tài liệu được cung cấp; thời hạn yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin; đặc điểm chi tiết vụ việc hỗ trợ cho việc xác định nơi lưu trữ thông tin, tài liệu cần trao đổi, cung cấp; bản sao chứng từ, chứng cứ hoặc phán quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền của quốc gia yêu cầu; tên, chức danh của người có thẩm quyền ký văn bản yêu cầu, đóng dấu của tổ chức yêu cầu (nếu có);

b) Thư, fax yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin phải bao gồm các thông tin sau: Tên tổ chức, quốc gia được yêu cầu; tên tổ chức, quốc gia yêu cầu, địa chỉ, số fax, địa chỉ email; thông tin cụ thể cần trao đổi, cung cấp; cơ sở, lý do yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin; chủ thể, mục đích sử dụng thông tin, tài liệu được cung cấp; thời hạn yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin; tên, chức danh của người ký văn bản yêu cầu.

4. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin có thể bị từ chối trong các trường hợp sau:

a) Thông tin được yêu cầu trao đổi, cung cấp có thể gây tổn hại đến chủ quyền, an ninh quốc gia hoặc lợi ích quan trọng khác của Việt Nam;

b) Thông tin được yêu cầu trao đổi, cung cấp không phù hợp với các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết và các quy định khác của pháp luật Việt Nam;

c) Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin không có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan, tổ chức có quyền hợp tác quốc tế trong việc trao đổi, cung cấp thông tin về phòng, chống rửa tiền:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có thẩm quyền thực hiện hoặc làm đầu mối thực hiện trao đổi, cung cấp các thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan cung cấp hoặc hướng dẫn cơ quan có liên quan cung cấp thông tin tại Điểm b, c Khoản 1 Điều này;

c) Bộ Công an, Bộ Tư pháp tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao thực hiện hoặc làm đầu mối thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin theo quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này;

d) Bộ, ngành, cơ quan khác thuộc Chính phủ tùy theo chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện trao đổi, cung cấp thông tin theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, đồng thời thông báo kịp thời bằng văn bản về nội dung, thời gian, các bên liên quan và các chương trình hợp tác quốc tế khác cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hoặc cơ quan quy định tại Điểm c Khoản này.

Điều 28. Hợp tác quốc tế trong việc xác định và phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền

1. Trình tự, thủ tục xác định, phong tỏa tài sản của người phạm tội rửa tiền thực hiện theo quy định của Luật tương trợ tư pháp, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, Bộ luật Tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Yêu cầu xác định và phong tỏa tài sản tại Việt Nam của người phạm tội rửa tiền ở nước ngoài phải đáp ứng các nội dung theo yêu cầu tại Điểm a, Khoản 3 Điều 27 Nghị định này và được gửi đến Bộ Tư pháp kèm theo quyết định hoặc bản án của Tòa án tuyên cá nhân có tài sản được yêu cầu xác định và phong tỏa tại Việt Nam là người phạm tội rửa tiền.

Điều 29. Thực hiện tương trợ tư pháp và hợp tác trong dẫn độ tội phạm rửa tiền

1. Quy trình, thủ tục, phương thức tương trợ tư pháp trong phòng, chống rửa tiền được thực hiện theo Luật tương trợ tư pháp và Bộ luật tố tụng hình sự Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với quốc gia khác.

2. Quy trình, thủ tục, phương thức hợp tác trong dẫn độ tội phạm rửa tiền được thực hiện theo Luật tương trợ tư pháp và Bộ luật Tổ tụng hình sự Việt Nam, điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên, hiệp định tương trợ tư pháp giữa Việt Nam với quốc gia khác. Bộ Công an làm đầu mối thực hiện và yêu cầu hợp tác dẫn độ tội phạm rửa tiền.

Chương 5.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 30. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 10 năm 2013.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07 tháng 6 năm 2005 của Chính phủ về phòng, chống rửa tiền.

Điều 31. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN; các PCN, Trợ lý TTCT, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (3b).

Nguyễn Tấn Dũng